

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

&&&

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/03/2024.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

2/. Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Văn Diễm, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/03/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lâm Thanh C**, sinh năm 1983

Địa chỉ: **Số A, ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

- Bị đơn: **Trần Thị T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: **ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2023, nguyên đơn ông **Lâm Thanh C** trình bày: Ông và bà **Trần Thị T** quen biết nhau, có tình cảm và được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2011. Vợ chồng ông đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 74, cấp ngày 12/05/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên **Lâm Hoàng T1**, sinh ngày 12/09/2013, hiện nay đang sống chung với ông. Sau khi

kết hôn vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **C** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà **Trần Thị T**; yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu bà **T** phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung ông **C** trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà **Trần Thị T** đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông **C**.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông **C** và bà **T** được ly hôn, giao con chung cho ông **C** nuôi, bà **T** không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông **Lâm Thanh C** có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà **Trần Thị T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Vào năm 2011, ông **Lâm Thanh C** và bà **Trần Thị T** quen biết nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân xã **Đ**, huyện **K**, tỉnh **Sóc Trăng** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 74, cấp ngày 12/05/2016. Vì vậy, hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông **C** cho rằng có thời gian dài hai vợ chồng sống chung rất hạnh phúc nhưng sau này vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay ông yêu cầu xin ly hôn với bà **T**. Bà **T** không có ý kiến. Thấy rằng: Hôn nhân giữa ông **C** và bà **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông **C**, cho ông với bà **T** được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Ông **C** và bà **T** có một con chung là cháu **Lâm Hoàng T1**,

sinh ngày 12/9/2013, hiện nay đang sống chung với ông C. Ông C yêu cầu được nuôi cháu T1 đến tuổi trưởng thành; Cháu T1 có nguyện vọng sống chung với cha. Thấy rằng, bà T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà không có ý kiến. Để cháu T1 ổn định tâm lý và môi trường sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông C, giao cháu T1 cho ông C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C cho rằng, giữa ông và bà T không có tài sản chung, nợ chung và ông C không yêu cầu giải quyết, bà T không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh C.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Thanh C được ly hôn với bà Trần Thị T.

2/. Về con chung: Giao cháu Lâm Hoàng T1, sinh ngày 12/9/2013 cho ông Lâm Thanh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông C không yêu cầu.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Trần Thị T, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Lâm Thanh C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Ông **Lâm Thanh C** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001103 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Ông **Lâm Thanh C** đã nộp đủ tiền án phí. Bà **Trần Thị T** không phải chịu án phí.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Hải, H. KS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm